

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

KHOA MÔI TRƯỜNG

BÁO CÁO SINH HOẠT HỌC THUẬT

CƠ SỞ PHÁP LÝ VỀ KINH TẾ TUẦN HOÀN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM

Người thực hiện: Ths. Nguyễn Mai Hoa



Hà Nội, tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	2
1. TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ TUẦN HOÀN (KTTH)	3
1.1. Lịch sử hình thành và phát triển	4
1.2. Khái niệm	6
1.3. Vai trò, lợi ích của KTTH	9
2. HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VỀ KINH TẾ TUẦN HOÀN TẠI VIỆT NAM	12
2.1. Các văn kiện, nghị quyết của Đảng	12
2.2. Các chiến lược, chương trình hành động quốc gia	15
2.3. Các luật	19
2.4. Các văn bản dưới luật	21
2.4.1. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	21
2.4.2. Nghị định số 06/2022/NĐ-CP	24
2.4.3. Quyết định số 687/QĐ-TTg	25
2.5. Đánh giá chung về hệ thống chính sách pháp luật thúc đẩy phát triển KTTH tại Việt Nam	27
2.5.1. Thuận lợi	27
2.5.2. Khó khăn và thách thức	28
3. GIẢI PHÁP	28
3.1. Tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý cho KTTH	28
3.2. Phân công trách nhiệm	31
3.2.1. Đối với các bộ, ngành và chính quyền địa phương	31
3.2.2. Đối với các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp	33
3.2.3. Đối với các doanh nghiệp	34
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	35
TÀI LIỆU THAM KHẢO	36

MỞ ĐẦU

Hiện nay, Việt Nam đang phải đối mặt với không ít thách thức về cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường và BĐKH. Nguyên nhân gây nên tình trạng này do Việt Nam đang trong quá trình đô thị hoá, công nghiệp hoá, song còn chậm chuyển đổi từ cách tiếp cận kinh tế tuyến tính truyền thống, kéo theo hệ lụy ngày càng nghiêm trọng đối với nguồn cung tài nguyên, lượng chất thải lớn, an ninh môi trường và an ninh nguồn nước. Việt Nam đang nỗ lực phát triển kinh tế theo hướng bền vững, giảm thiểu những tác động xấu đến môi trường và nền kinh tế tuần hoàn là mô hình được quan tâm, định hướng phát triển. Trên thế giới, kinh tế tuần hoàn hiện được coi là mô hình đáp ứng yêu cầu về giải quyết ô nhiễm môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phục vụ mục tiêu phát triển bền vững. Áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn thay cho mô hình kinh tế tuyến tính là giải pháp hữu hiệu nhất hiện nay và được rất nhiều quốc gia trên thế giới áp dụng. Với kinh tế tuần hoàn, chất thải từ hoạt động sản xuất sẽ được phân loại, xử lý theo quy trình và trở thành nguồn nguyên liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất mới vì thế giúp giảm lượng tài nguyên cần sử dụng và lượng phế thải tạo ra, góp phần bảo tồn nguồn tài nguyên và giảm tác động gây ô nhiễm môi trường. Kinh tế tuần hoàn không chỉ là tái sử dụng chất thải, xem chất thải là tài nguyên mà còn là sự kết nối với các hoạt động kinh tế khác, tạo thành các vòng tuần hoàn trong nền kinh tế. Đây là hoạt động không dành riêng cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp nào, nó cần sự tham gia và cố gắng của toàn hệ thống, toàn xã hội.

Áp dụng kinh tế tuần hoàn đang là một xu hướng mạnh mẽ bởi chính những lợi ích cả về kinh tế, môi trường và xã hội mà nó mang lại như: Tạo ra cơ hội tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm và giảm tác động môi trường, thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu. Do vậy, việc chuyển sang mô hình KTTH, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, hạn chế thải ra môi trường là yêu cầu cấp bách, vừa nhằm giải quyết vấn đề môi trường, phát triển kinh tế xanh, vừa nâng cao năng lực cạnh tranh, giảm chi phí nguyên, nhiên liệu sản xuất của doanh nghiệp. Từ đó, kinh tế tuần hoàn đang được Việt Nam xem là một ưu tiên trong phát triển đất nước. Tuy nhiên, để áp dụng mô hình này thành công, pháp luật quốc gia đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng, tạo dựng, điều chỉnh hành vi của các chủ thể thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhằm tạo ra một khuôn khổ pháp lý cụ thể, hoàn thiện, hiệu quả cho việc thúc đẩy kinh tế tuần hoàn. Đây chính là lý do để tác giả tiến hành nghiên cứu đánh giá hiện trạng “Cơ sở pháp lý về kinh tế tuần hoàn trong hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường ở Việt Nam”.

1. TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ TUẦN HOÀN (KTTH)

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Kinh tế tuần hoàn (KTTH) (circular economy - CE) không phải là một khái niệm mới mà đã sớm được đưa ra từ những năm 60 và 70 của thế kỷ XX bởi các nhà kinh tế như Boulding năm 1966, các kiến trúc sư và nhà phân tích công nghiệp như Stahel & Reday-Mulvey năm 1976, sau đó đã trải qua nhiều năm phát triển và hoàn thiện. Khái niệm Kinh tế tuần hoàn chính thức xuất hiện lần đầu vào năm 1990 bởi David W. Pearce và R. Kerry Turner trong cuốn *Kinh tế Tài nguyên và Môi trường* trong bối cảnh xã hội hiện đại phát triển, tiêu dùng tăng cao gây ra nhiều nhân tố tác động tiêu cực đến sức khỏe con người và hệ sinh thái, cũng như mang đến nhiều mối nguy hại cho môi trường và sự phát triển bền vững. KTTH là một hệ thống, trong đó các tài nguyên được tận dụng lại hoặc tái sử dụng, các dòng phế liệu được biến thành đầu vào để tiếp tục sản xuất. Hoạt động này đã được thúc đẩy bởi quá trình đô thị hóa nhanh chóng, biến đổi khí hậu, tiến bộ công nghệ và nhu cầu ngày càng tăng đối với các nguồn tài nguyên thiên nhiên có hạn.

Cho đến nay, có nhiều cách hiểu khác nhau về KTTH. Tuy nhiên, khái niệm kinh tế tuần hoàn được thừa nhận rộng rãi nhất là do tổ chức Ellen MacArthur Foundation đưa ra tại Hội nghị Kinh tế toàn cầu năm 2012. Thúc đẩy áp dụng kinh tế tuần hoàn đang là xu hướng mạnh mẽ ở nhiều quốc gia trên thế giới. Sáng kiến này đang nhận được sự hưởng ứng mạnh mẽ của cộng đồng doanh nghiệp, các tổ chức.

Với xu hướng toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế, nền KTTH ngày càng được quan tâm do: (i) sự gia tăng nhu cầu về nguyên liệu thô cho đầu vào các ngành công nghiệp trong khi nguồn này ngày càng cạn kiệt, đặc biệt đối với nguồn tài nguyên khoáng sản bởi chúng không thể tái tạo được mà khai thác nhiều dẫn tới sụt địa hình, kéo theo nhiều hệ lụy về môi trường sinh thái; (ii) sự phụ thuộc vào các nước khác, nhất là đối với quốc gia bị phụ thuộc về nguồn cung nguyên liệu thô, kéo theo sự căng thẳng về chính trị có xu hướng leo thang trên toàn cầu; (iii) tác động đến sự biến đổi khí hậu (khí nhà kính gây ra, đặc biệt CO₂) làm gia tăng quá trình biến đổi khí hậu, ngày càng gây ra những hậu quả nghiêm trọng về môi trường, tác động tiêu cực đến đời sống của mọi người. Ô nhiễm môi trường do chất thải công nghiệp tạo ra là vấn đề hết sức nhức nhối của toàn cầu đòi hỏi các nước cần chung tay giảm thải. Sự chuyển đổi sang KTTH với việc sử dụng năng lượng bền vững sẽ làm giảm quá trình biến đổi khí hậu; (iv) tạo ra các cơ hội kinh tế, đặc biệt đối với doanh nghiệp và khoa học trong lĩnh vực đổi mới, thiết kế, tái chế và sáng tạo, tận dụng nguồn lực sẵn có với chi phí đầu vào thấp hơn. Bởi vậy, KTTH ngày càng

được quan tâm nhằm tái sử dụng chất thải cho phát triển kinh tế và hạn chế việc khai thác tài nguyên thiên nhiên một cách cạn kiệt.

Thống kê sơ bộ trên thế giới cho thấy, đến nay ước tính có khoảng hơn 30 quốc gia, vùng lãnh thổ đã, đang và dự kiến sẽ xây dựng các lộ trình thực hiện kinh tế tuần hoàn dưới các tên gọi khác nhau như kế hoạch, chiến lược, lộ trình như Kế hoạch hành động kinh tế tuần hoàn lần thứ 2 của Liên minh Châu Âu ban hành lần thứ 2 kèm theo khung giám sát và các chỉ tiêu về kinh tế tuần hoàn để định hướng chung cho toàn khối.

Đặc biệt, năm 2021, Ủy ban ASEAN ban hành Khung kinh tế tuần hoàn cho Cộng đồng kinh tế ASEAN. Khung kinh tế tuần hoàn đặt ra tầm nhìn dài hạn với các tham vọng về kinh tế tuần hoàn dựa trên các sáng kiến hiện có và xác định các trọng tâm ưu tiên hành động đẩy nhanh tiến trình hiện thực hóa nền kinh tế tuần hoàn trong khối ASEAN.

Ở góc độ chính sách, một số quốc gia đã ban hành các đạo luật và luật nhằm thiết lập nguyên tắc tái chế của nền kinh tế tuần hoàn. Thụy Điển, Đức và một số quốc gia châu Âu khác đã cố gắng kết hợp các đảng “chính trị xanh” trong hệ thống chính trị và quy trình ra quyết định của họ nhằm khuyến khích sự chuyển dịch nền kinh tế theo hướng kinh tế tuần hoàn.

Đức là nước đi đầu trong lĩnh vực này khi bắt đầu thực hiện KTTH vào năm 1996 với việc ban hành “Đạo luật quản lý chất thải và chu trình kín”. Luật cung cấp một khung khổ pháp lý cho việc thực hiện quản lý chất thải theo chu trình khép kín và đảm bảo khả năng xử lý chất thải tương thích với môi trường và khả năng đồng hóa chất thải.

Thụy Điển từ lâu đã liên tục đưa ra nhiều chương trình ưu đãi đối với kinh doanh tuần hoàn. Họ cũng đã cố gắng tạo điều kiện tối ưu để tăng tỷ lệ tái chế dần dần và hiệu quả thông qua giáo dục công. Chính sách này đã thành công và làm hài lòng các nhà hoạch định chính sách và các nhà môi trường.

Ở Nhật Bản năm 2000, Chính phủ nước này đã xây dựng một khung pháp lý toàn diện hướng tới một xã hội dựa trên tái chế với việc ban hành “Luật Cơ bản để thiết lập một xã hội dựa trên tái chế” có hiệu lực từ năm 2002. Luật cung cấp những mục tiêu định lượng cho việc tái chế và phi vật chất hóa lâu dài của xã hội Nhật Bản.

Trung Quốc cũng đang nỗ lực thực hiện kinh tế tuần hoàn trên quy mô lớn. Tuy nhiên, ngược với Đức và Nhật Bản, Chính phủ Trung Quốc nhằm duy trì khả năng cạnh tranh, ban đầu dự định áp dụng khung kinh tế tuần hoàn ở quy mô nhỏ hơn thông qua một số cơ chế thử nghiệm để có cơ sở tốt hơn nhằm đánh giá ở quy mô lớn hơn, cuối cùng là

áp dụng cho toàn bộ nền kinh tế trong dài hạn. Chính sách này tương tự như tự do hóa kinh tế bắt đầu với các khu kinh tế tự do về chi phí.

Thái Lan đang thúc đẩy mô hình kinh tế Sinh học - Xanh - Tuần hoàn (BCG) khuyến khích áp dụng các kỹ thuật tiên tiến giúp gia tăng giá trị cho sản phẩm mà không hoặc chỉ có tác động tối thiểu tới môi trường. Với mục tiêu đạt được mức độ trung hòa khí thải carbon vào năm 2050, Thái Lan đang nỗ lực hành động để giảm phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính bằng cách áp dụng mô hình BCG và coi đây một con đường hướng tới phát triển kinh tế xanh, bền vững.

Hiện nay, có một số mô hình về KTTH đã được triển khai như mô hình 3R với cách tiếp cận đơn giản hay mô hình 6R+ với cách tiếp cận tổng thể hơn. Mô hình 3R tập trung vào 3 hoạt động gồm: Reduce – *Giảm sử dụng hàng hóa và tiêu thụ tài nguyên*, Reuse – *Tái sử dụng sản phẩm, tài nguyên* và Recycle – *Tái chế, tuần hoàn tài nguyên*.



Hình 1. Mô hình 3R (Reduce, Reuse và Recycle)

Hay mô hình 6R+ bao gồm:

– Rethink and Redesign: Nhà sản xuất thay đổi tư duy, cách tiếp cận khi sản xuất bất kỳ sản phẩm hàng hóa mới nào về trách nhiệm thu hồi, tái sử dụng, tái chế...; đồng thời cải tiến, thay đổi thiết kế các sản phẩm hàng hóa đang sản xuất.

– Refuse: Người tiêu dùng ủng hộ các sản phẩm xanh, từ chối sử dụng các sản phẩm không thân thiện với môi trường, tiêu tốn nhiều tài nguyên, năng lượng trong quá trình sản xuất/sử dụng, không có khả năng tái chế...

– Reduce: Giảm việc tiêu dùng quá mức dẫn đến tiêu tốn, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, thông qua các mô hình dùng chung, chia sẻ, lưu trữ...

– Reuse: Sử dụng sản phẩm nhiều lần và có thể tận dụng cho nhiều mục đích khác nhau thay vì chỉ sử dụng một lần.

– Remain và Repair: Nhà sản xuất đảm bảo hình thành và cung cấp các dịch vụ về bảo hành, bảo dưỡng, thay thế linh kiện, sửa chữa... để kéo dài tuổi thọ, vòng đời của sản phẩm.

– Recycle: Phục hồi tài nguyên bao gồm thu gom, phân loại, xử lý sản phẩm thải bỏ, tái chế...

1.2. Khái niệm

Kinh tế tuần hoàn xuất hiện từ giữa thế kỉ XVIII trong lĩnh vực nông nghiệp, nhưng phải đến thế kỉ XX mới trở thành một phạm trù kinh tế học chỉ mô hình kinh tế mới.

Khái niệm kinh tế tuần hoàn được Pearce và Turner sử dụng lần đầu vào năm 1990, là mô hình kinh tế dựa trên nguyên lí cơ bản “mọi thứ đều là đầu vào đối với thứ khác”. Dựa trên quan điểm rằng, mọi thứ đều có thể là đầu vào của một quá trình sản xuất, các tác giả phê phán hệ thống kinh tế tuyến tính truyền thống và đề xuất một mô hình kinh tế mới gọi là KTTH.

Kể từ khi được chính thức đưa ra bởi Pearce và Turner (1990), đã có nhiều định nghĩa khác nhau về KTTH. Ủy ban châu Âu cho rằng, KTTH chỉ các khía cạnh nguồn lực vật chất của nền kinh tế, tập trung vào tái chế, sử dụng lại các chất thải như là nguồn lực đầu vào vật chất của nền kinh tế để giảm tiêu dùng tài nguyên cơ bản.

Liên minh châu Âu (EU) định nghĩa rằng: “KTTH là nền kinh tế mà giá trị của sản phẩm, nguyên vật liệu, tài nguyên được duy trì lâu nhất có thể, đồng thời **giảm thiểu việc phát thải**”. Trong KTTH, giá trị của sản phẩm và nguyên vật liệu được duy trì càng lâu càng tốt. Việc sử dụng tài nguyên và chất thải được giảm thiểu và khi một sản phẩm hết tuổi thọ, nó sẽ được sử dụng lại để tạo ra giá trị tiếp theo. Điều này có thể mang lại những lợi ích kinh tế lớn, góp phần vào đổi mới, tăng trưởng và tạo việc làm. **(EC, 2016)**

Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) cho rằng: Nền KTTH là một hệ thống công nghiệp được phục hồi hoặc tái tạo theo ý định và thiết kế. Nó chuyển sang sử dụng năng lượng tái tạo, loại bỏ việc sử dụng các hóa chất độc hại, làm tăng khả năng tái sử dụng và quay trở lại sinh quyển thông qua thiết kế ưu việt của vật liệu, sản phẩm, hệ thống và mô hình kinh doanh.

UNIDO cho rằng kinh tế tuần hoàn là một chu trình sản xuất khép kín, nơi các chất thải quay trở lại, trở thành nguyên liệu cho sản xuất. Điều này giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và sức khỏe con người.

Quỹ Ellen Mac Arthur định nghĩa nền KTTH là: Nền kinh tế vượt qua mô hình công nghiệp khai thác tận thu hiện nay, tập trung vào các lợi ích tích cực cho toàn xã hội. Nó

kéo theo hoạt động kinh tế dần tách rời khỏi việc tiêu thụ các nguồn tài nguyên hữu hạn và hạn chế chất thải phát sinh, đồng thời chuyển đổi sang các nguồn năng lượng tái tạo. Kinh tế tuần hoàn dựa trên các nguyên tắc thiết kế loại bỏ chất thải và ô nhiễm, giữ cho sản phẩm và vật liệu luôn được sử dụng, đồng thời tái tạo các hệ thống tự nhiên.

Vào năm 2012, Ellen MacArthur Foundation đã phát triển khái niệm này thêm một bước xa hơn, định nghĩa rằng “Kinh tế tuần hoàn (KTTH) là một hệ thống có tính khôi phục và tái tạo thông qua các kế hoạch và thiết kế chủ động. Nó thay thế khái niệm “kết thúc vòng đời” của vật liệu bằng khái niệm khôi phục, chuyển dịch theo hướng sử dụng năng lượng tái tạo, không dùng các hóa chất độc hại gây tổn hại tới việc tái sử dụng và hướng tới giảm thiểu chất thải thông qua việc thiết kế vật liệu, sản phẩm, hệ thống kỹ thuật và cả các mô hình kinh doanh trong phạm vi của hệ thống đó”. Đến nay, định nghĩa này được nhiều quốc gia và các tổ chức quốc tế thừa nhận rộng rãi.

KTTH mô tả một hệ thống kinh tế dựa vào các mô hình kinh doanh thay thế khái niệm “kết thúc vòng đời” bằng việc giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế và thu hồi các nguyên liệu trong các quá trình sản xuất/phân phối và tiêu dùng ở các cấp độ vi mô (sản xuất, các doanh nghiệp, người tiêu dùng), cấp độ trung gian (ví dụ như các khu công nghiệp sinh thái), cấp độ vĩ mô (thành phố, vùng, quốc gia và rộng hơn nữa), với mục tiêu đạt được phát triển bền vững với ngụ ý đảm bảo chất lượng môi trường tốt, sự thịnh vượng về kinh tế và công bằng xã hội, đáp ứng lợi ích hiện tại và tương lai (William McDonough, 2018).



Hình 2. Mô hình kinh tế tuần hoàn

Định nghĩa theo Luật Kinh tế Tuần hoàn ở Trung Quốc (FDI Gov China, 2020): kinh tế tuần hoàn đề cập trong Luật là thuật ngữ chung cho các hoạt động giảm thiểu, tái chế và phục hồi tài nguyên trong sản xuất, tuần hoàn và tiêu dùng.

KTTH là mô hình kinh tế trong đó các hoạt động thiết kế, sản xuất và dịch vụ đặt ra mục tiêu kéo dài tuổi thọ của vật chất (các sản phẩm, trang thiết bị và cơ sở hạ tầng) nhằm tăng năng suất của các tài nguyên, loại bỏ tác động tiêu cực đến môi trường. Nếu như mô hình kinh tế tuyến tính chỉ quan tâm đến khai thác tài nguyên, sản xuất và vất bỏ sau tiêu thụ, dẫn đến việc tạo ra một lượng phế thải khổng lồ thì KTTH chú trọng vấn đề quản lý và tái tạo tài nguyên theo một vòng khép kín, nhằm giảm đến mức tối thiểu số lượng tài nguyên sử dụng đầu vào và lượng phế thải tạo ra. Việc tận dụng tài nguyên được thực hiện bằng nhiều hình thức như: sửa chữa, tân trang, tái sử dụng, tái chế tạo ra các vòng lặp kín cho tài nguyên sử dụng trong hệ thống kinh tế và thay vì sở hữu vật chất thì hướng đến chia sẻ hoặc cho thuê. Như vậy, nền KTTH là một khái niệm được hiểu thông qua một chu trình sản xuất khép kín (hoạt động theo một vòng tròn), tất cả các chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất được quay trở lại, trở thành nguyên liệu cho sản xuất thông qua phân loại, tái sử dụng, tái chế... Nhờ đó, các giá trị của sản phẩm, nguyên vật liệu và tài nguyên được duy trì trong nền kinh tế ở mức độ lâu nhất, nhằm tối thiểu việc sử dụng tài nguyên là nguyên liệu đầu vào và lượng phế thải cũng giảm đi đáng kể từ đó giảm mọi tác động tiêu cực đến môi trường, bảo vệ hệ sinh thái và sức khỏe con người. Hiểu một cách khái quát nhất KTTH là mô hình kinh tế dựa trên nguyên lý cơ bản “đầu ra của sản phẩm này là đầu vào của sản phẩm khác”. Hay nói một cách đơn giản KTTH là biến rác thải đầu ra của ngành này thành nguồn tài nguyên đầu vào của ngành khác hay tuần hoàn trong nội tại bản thân của một doanh nghiệp/tổ chức. KTTH góp phần gia tăng giá trị cho doanh nghiệp, giảm khai thác tài nguyên, giảm chi phí xử lý chất thải, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Đây là một mô hình ưu việt, loại bỏ việc tạo ra rác thải, do đó mục tiêu xa hơn là phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường, hướng tới phát triển bền vững.

Như vậy, KTTH là một hệ thống kinh tế, trong đó các tài nguyên được tận dụng lại hoặc tái sử dụng, các dòng phế liệu được biến thành đầu vào để tiếp tục sản xuất. Bản chất của kinh tế tuần hoàn là tính khôi phục (restorative) và tính tái tạo (regenerative), với 3 nội hàm cơ bản sau: (i) Bảo tồn và phát triển vốn tự nhiên thông qua việc kiểm soát hợp lý các tài nguyên không thể phục hồi và cân đối với các tài nguyên có thể phục hồi, các nguồn năng lượng tái tạo; (ii) Tối ưu hóa lợi tức của tài nguyên bằng cách tuần hoàn các sản phẩm và vật liệu nhiều nhất có thể trong các chu trình kỹ thuật và sinh học; (iii) Nâng cao hiệu suất chung của toàn hệ thống bằng cách chỉ rõ và thiết kế các ngoại ứng tiêu cực (thiết kế chất thải, thiết kế ô nhiễm). Đó là một hệ thống có khả năng phục hồi tốt cho

doanh nghiệp, con người và môi trường. Đây chính là một giải pháp hệ thống nhằm giải quyết các thách thức toàn cầu như BĐKH, mất đa dạng sinh học, chất thải và ô nhiễm.

Mặc dù là khái niệm mới, còn có nhiều cách hiểu khác nhau, nhưng tựu chung KTTH bao gồm 3 nội dung cốt lõi: (1) Giảm thiểu phát thải ra môi trường thông qua sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguyên liệu, năng lượng và sử dụng nguyên liệu, năng lượng có khả năng tái tạo (Loại bỏ chất thải và ô nhiễm); (2) Tái sử dụng, sửa chữa, bảo dưỡng kéo dài thời gian sử dụng sản phẩm (Lưu thông các sản phẩm và nguyên vật liệu với giá trị cao nhất của chúng); (3) Tái chế, tận dụng phế liệu, phế thải trở thành đầu vào sản xuất (Tái tạo tài nguyên thiên nhiên).

Theo Luật Bảo vệ môi trường Việt Nam năm 2020, kinh tế tuần hoàn là mô hình kinh tế trong đó các hoạt động thiết kế, sản xuất, tiêu dùng và dịch vụ nhằm giảm khai thác nguyên, vật liệu; kéo dài vòng đời sản phẩm; hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

Kinh tế tuần hoàn chú trọng việc quản lý và tái tạo tài nguyên theo một vòng khép kín nhằm tránh tạo ra phế thải. Việc tận dụng tài nguyên được thực hiện bằng nhiều hình thức, từ thiết kế lại (Redesign), giảm thiểu (Reduce) sửa chữa (Repair), tái sử dụng (Reuse), tái chế (Recycle), và thay vì sở hữu vật chất thì hướng đến chia sẻ (sharing) hoặc cho thuê (leasing).

1.3. Vai trò, lợi ích của KTTH

KTTH là các hoạt động thiết kế, sản xuất và dịch vụ đặt ra mục tiêu kéo dài tuổi thọ của vật chất, tăng năng suất của các tài nguyên và loại bỏ tác động tiêu cực đến môi trường, qua đó giảm thiểu tổn hại đến chất lượng cuộc sống thông qua các giải pháp tái chế chất thải, sử dụng nguyên liệu tái chế làm nguyên liệu đầu vào để tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên. Đó cũng là việc quản lý, sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên có khả năng tái tạo, quản lý rác thải bằng cách tái chế để tối ưu hóa giá trị trên nguyên tắc là các vật liệu và tài nguyên được sử dụng càng lâu thì giá trị thu được từ chúng càng nhiều.

Trong những năm qua, KTTH được thực hiện ở nhiều lĩnh vực khác nhau, mang lại những lợi ích kinh tế - xã hội và môi trường và gắn liền với sự phát triển bền vững ở nhiều quốc gia trên thế giới. Có thể thấy, kinh tế tuần hoàn đóng vai trò vô cùng quan trọng để xây dựng một hệ thống kinh tế bền vững, điều này được thể hiện qua các khía cạnh sau:

Một là, đối với môi trường, mô hình kinh tế tuần hoàn sẽ góp phần lớn vào việc bảo vệ môi trường toàn cầu. Xuất phát từ nguyên lý “mọi thứ đều là đầu vào đối với thứ khác”,

chất thải sẽ trải qua quá trình xử lý, loại bỏ các yếu tố độc hại để trở thành nguyên liệu cho hoạt động sản xuất mới, nhờ đó, nguồn tài nguyên thiên nhiên được bảo tồn, tiết kiệm được thời gian, chi phí xử lý đầu vào cho quá trình sản xuất, hạn chế tối đa chất thải, khí thải ra môi trường. Hoạt động kinh tế tuần hoàn đối lập với kinh tế tuyến tính truyền thống đang được sử dụng rộng rãi. Với kinh tế tuyến tính, các tài nguyên được khai thác, sản xuất và sau khi sử dụng xong thì được thải ra môi trường, chúng di chuyển theo một chiều. Chất thải không được xử lý, phân loại và tái chế dẫn đến việc lãng phí tài nguyên, tốn kém tiền bạc, đồng thời tạo ra một lượng phế thải khổng lồ, gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến môi trường sống của con người, các thành tựu của phát triển kinh tế vì thế mà cũng không còn giá trị. Trong khi đó, KTTH hoạt động theo một vòng tròn, dựa trên các nguyên tắc cơ bản, liên quan chặt chẽ đến việc sử dụng tái chế, quay vòng sản xuất, chế biến và sử dụng nguồn tài nguyên một cách tiết kiệm, hiệu quả, giảm thiểu và đi đến triệt tiêu các loại chất thải gây ô nhiễm môi trường. Vì thế, mức độ ô nhiễm môi trường cũng giảm đi đáng kể. Mục đích quan trọng của nền KTTH là tối ưu hóa sử dụng tài nguyên bằng cách luân chuyển các sản phẩm, thành phần và vật liệu được sử dụng ở mức hữu ích cao nhất trong cả chu kỳ kỹ thuật và sinh học, thông qua việc sản phẩm hoặc nguyên liệu trong KTTH sẽ liên tục được bảo trì, tái sử dụng, tái chế nhằm hướng tới việc không còn khai thác tài nguyên hay tạo ra chất thải. Tất cả các "phế thải" của một quy trình sản xuất tiêu dùng đều được xem như nguyên vật liệu của các quy trình sản xuất tiêu dùng khác, bất kể đó là sản phẩm phụ hay tài nguyên được thu hồi từ một quy trình công nghiệp khác hay tài nguyên được tái sinh cho môi trường tự nhiên.

KTTH giúp tận dụng được nguồn nguyên liệu đã qua sử dụng thay vì tiêu tốn chi phí xử lý; giảm thiểu khai thác tài nguyên và tận dụng tối đa tài nguyên thiên nhiên; hạn chế tối đa phát thải khí thải, chất thải rắn ra môi trường. KTTH cũng hướng tới việc tăng trưởng kinh tế được tách rời khỏi việc sử dụng tài nguyên thông qua cắt giảm và tuần hoàn các nguồn tài nguyên thiên nhiên, đạt được cả hai mục tiêu, ứng phó với sự cạn kiệt của tài nguyên đầu vào và tình trạng ONMT trong phát triển ở đầu ra. Khi so sánh với việc khai thác nguyên liệu thô phổ biến theo phương pháp tuyến tính, mô hình KTTH có khả năng tiết kiệm nguyên liệu lớn hơn. Trong khi nhu cầu về nguyên liệu sẽ tăng lên do dân số thế giới cũng như nhu cầu tiêu dùng tăng lên, các hoạt động trong KTTH sử dụng ít nguyên liệu thô hơn bởi tập trung vào việc kéo dài chu kỳ của nguyên liệu.

Bên cạnh đó, phát triển kinh tế tuần hoàn còn thể hiện trách nhiệm của quốc gia đối với vấn đề chung của toàn cầu. Việc chuyển đổi sang KTTH là quá trình đáp ứng các yêu

cầu thích ứng với biến đổi khí hậu. Đây là quá trình điều chỉnh nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực của nền kinh tế tuyến tính, tạo ra khả năng phục hồi lâu dài, là con đường hướng đến nền kinh tế các-bon thấp, đặc biệt trong các ngành công nghiệp nặng. Phát triển KTTH có thể giảm một nửa lượng khí thải các-bon đi-ô-xít từ công nghiệp vào năm 2030, so với mức năm 2018. Mô hình KTTH trong nông nghiệp của châu Âu có khả năng giảm 80% việc sử dụng phân bón nhân tạo và do đó, góp phần vào sự cân bằng tự nhiên của đất ⁽⁵⁾. Suy thoái đất gây thiệt hại ước tính khoảng 40 tỷ USD hằng năm trên toàn thế giới và có những chi phí tiềm ẩn như ngoài việc phải sử dụng phân bón là sự mất đa dạng sinh học và mất cảnh quan độc đáo. Lợi ích về môi trường của KTTH là làm giảm phát thải khí nhà kính, tác động tích cực đến các hệ sinh thái và chống lại việc khai thác quá mức tài nguyên thiên nhiên, tăng tính bền vững và hiệu quả của việc sử dụng đất trong nông nghiệp. Nền KTTH sử dụng nguyên liệu thô, tối ưu hóa năng suất nông nghiệp và giảm các tác động ngoại ứng tiêu cực do mô hình tuyến tính mang lại, tránh được ô nhiễm lớn hơn do việc sản xuất các vật liệu mới gây ra. Điều này đã trở thành một trong những thành phần chính của kế hoạch giảm phát thải các-bon tại không ít quốc gia.

Hai là, đối với xã hội, kinh tế tuần hoàn giúp giảm chi phí quản lý, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; tạo ra thị trường mới, cơ hội việc làm mới, nâng cao sức khỏe người dân. Vì quy trình xử lý chất thải để tái chế cần nhân lực giỏi và công nghệ cao nên nó có tiềm năng biến thành một ngành mới, tạo ra việc làm mới và nâng cao mức sống cho con người, góp phần tăng trưởng kinh tế. Sự phát triển của KTTH có thể mang lại nhiều việc làm hơn ở các địa phương trong các công việc có trình độ sơ cấp và bán kỹ năng. Một nghiên cứu vào tháng 8/2018 về thực hiện nền KTTH cho rằng, 50.000 việc làm mới có thể được tạo ra ở Anh và 54.000 ở Hà Lan ⁽⁴⁾.

Ba là, đối với các doanh nghiệp sản xuất, KTTH thúc đẩy hình thành các mô hình kinh doanh mới, các công nghệ mới, giúp doanh nghiệp tăng trưởng cao hơn thông qua cắt giảm chi phí (nhờ sử dụng tiết kiệm tài nguyên và giảm tiêu thụ năng lượng), cung cấp các sản phẩm và dịch vụ có nhiều chức năng sử dụng, tăng cường chuỗi cung ứng và bảo tồn tài nguyên. Mô hình KTTH giúp các doanh nghiệp trở nên linh hoạt hơn, tăng khả năng ứng phó với những thay đổi từ nguồn cung nguyên liệu, giảm nguyên liệu thô, tăng nguyên liệu tái chế, từ đó tạo ra lợi nhuận mới. Kinh tế tuần hoàn cũng tạo ra nhu cầu về các dịch vụ mới để các doanh nghiệp tìm kiếm cơ hội kinh doanh. Các dịch vụ mới có thể phát sinh là các dịch vụ hậu cần thu gom và hỗ trợ các sản phẩm tái chế, dịch vụ tiếp thị

và dịch vụ bán hàng nhằm mục đích kéo dài tuổi thọ của sản phẩm, tái sản xuất các bộ phận và linh kiện, dịch vụ làm mới sản phẩm...

KTTH góp phần giảm rủi ro cho doanh nghiệp và khủng hoảng thừa sản phẩm, khan hiếm tài nguyên; tạo động lực để đầu tư, đổi mới công nghệ, giảm chi phí sản xuất, tăng chuỗi cung ứng...

Kinh tế tuần hoàn thường được gắn với phát triển bền vững, có ý nghĩa quan trọng đối với quản lý môi trường, giúp các doanh nghiệp tiết kiệm năng lượng, tiền bạc và bảo vệ môi trường. Phát triển bền vững và kinh tế tuần hoàn mang lại những lợi ích ở cấp độ toàn cầu gồm: Tối ưu hóa nguyên vật liệu; nguồn thu nhập mới và sáng tạo; nâng cao mối quan hệ giữa các bên liên quan và uy tín thương hiệu; giảm thiểu rủi ro.

Thứ tư, KTTH có mối liên hệ với nhiều mục tiêu phát triển bền vững (SDG) đã được các quốc gia thông qua vào năm 2015, bao gồm các mục tiêu, như không đói nghèo, tiêu dùng và sản xuất có trách nhiệm, các thành phố và cộng đồng bền vững, thúc đẩy công nghiệp hóa, tăng trưởng bao trùm và bền vững...

Có thể thấy rằng, mô hình kinh tế tuần hoàn là một trong những giải pháp đột phá để giải quyết mối quan hệ giữa kinh tế và môi trường trong bối cảnh nguồn nguyên, nhiên liệu đang khan hiếm, đứt gãy, cạn kiệt hiện nay. Để giữ gìn môi trường sống và thực hiện phát triển kinh tế bền vững, Việt Nam cần có sự thay đổi, dịch chuyển mô hình kinh tế tuyến tính sang kinh tế tuần hoàn càng sớm càng có lợi cho nền kinh tế quốc gia.

2. HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VỀ KINH TẾ TUẦN HOÀN TẠI VIỆT NAM

Là một trong những quốc gia sớm ý thức về tầm quan trọng và lợi ích của việc phát triển kinh tế tuần hoàn, Việt Nam đã lựa chọn thay đổi từ mô hình kinh tế tuyến tính sang mô hình kinh tế tuần hoàn. Tuy chưa có hệ thống pháp luật quy định cụ thể nhưng Việt Nam đã thể hiện quan điểm của mình thông qua các chủ trương, văn kiện Đại hội Đảng các khóa, các văn bản pháp luật, các quyết định quy định về hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, hoạt động xử lý rác thải...

2.1. Các văn kiện, nghị quyết của Đảng

Để từng bước chuyển đổi mô hình kinh tế tuyến tính sang KTTH, Việt Nam đã ban hành các chủ trương, chính sách về chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng bền vững; đẩy mạnh quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó BĐKH và tăng cường tái chế, tái sử dụng để tạo điều kiện phát triển mô hình KTTH. Quan điểm, khía cạnh liên quan KTTH như kinh tế xanh, tăng trưởng xanh, phát triển năng lượng tái tạo, tái chế phế thải,

phát triển bền vững, gắn tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường tiếp tục được khẳng định đề cập trong các văn kiện, nghị quyết của Đảng.

Tại Việt Nam, phát triển bền vững được Đảng và Nhà nước quan tâm, thể hiện ở nhiều chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước đã được ban hành nhằm hướng đến phát triển nền kinh tế bền vững, như: Chỉ thị 36/CT-TW năm 1998 đã đề cập tới “áp dụng công nghệ sạch, ít phế thải, tiêu hao ít nguyên liệu và năng lượng”; Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị về BVMT trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 09/02/2007 của Ban Chấp hành Trung ương khóa X về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020; Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương ngày 3/6/2013 về chủ động ứng phó với BĐKH; Kết luận 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT.

Chỉ thị số 36/CT-TW ngày 25/8/1998 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã khuyến khích áp dụng một hoặc một số mục tiêu nội hàm của KTTH như quy định về thuế, tín dụng nhằm hỗ trợ “áp dụng các công nghệ sạch, ít phế thải, tiêu hao ít nguyên liệu và năng lượng”.

Quan điểm phát triển bền vững, gắn tăng trưởng kinh tế và BVMT tiếp tục được khẳng định trong các Nghị quyết đại hội Đảng sau đó. Nhiều khía cạnh của KTTH như tăng trưởng xanh, kinh tế xanh, phát triển năng lượng tái tạo, tái chế phế thải cũng được đề cập trong các nghị quyết của Đảng. Chẳng hạn, năm 2004, Bộ chính trị đã ban hành Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 về BVMT trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong đó, “khuyến khích sử dụng tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, các sản phẩm và bao bì sản phẩm không gây hại hoặc ít gây hại đến môi trường; tái chế và sử dụng các sản phẩm tái chế”.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của BVMT, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững, Đảng và Nhà nước ta đã sớm chủ trương phát triển kinh tế đi đôi với BVMT, hướng tới phát triển bền vững. Ngay trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 1991 - 2000 được thông qua tại Đại hội lần thứ VII của Đảng, Đảng ta đã chủ trương “tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hóa, BVMT”.

Đến năm 2013, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 về Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường

quản lý tài nguyên và BVMT, với nhiệm vụ trọng tâm là thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh và phát triển bền vững... Nghị quyết số 24-NQ/TW đã đề ra những giải pháp chủ yếu, trong đó có giải pháp: đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính, tăng cường và đa dạng hóa nguồn lực cho ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, với nhiệm vụ trọng tâm là thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh và phát triển bền vững...

Chủ trương phát triển KTTH cũng được đề ra tại Kết luận 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT đã đưa ra nhiệm vụ và giải pháp “quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường”.

Như vậy, các nội dung liên quan đến KTTH đã được đề cập khá sớm trong nhiều chủ trương của Đảng gắn với mục tiêu BVMT, khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên. Tuy nhiên, khái niệm KTTH chỉ được đề cập trong các văn kiện gần đây của Đảng. Tại Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/2/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã chính thức đặt ra nhiệm vụ về thúc đẩy KTTH và phát triển bền vững; đề ra các giải pháp phát triển năng lượng tái tạo, trong đó khẳng định: “Ưu tiên sử dụng năng lượng gió và mặt trời cho phát điện; khuyến khích đầu tư xây dựng các nhà máy điện sử dụng rác thải đô thị, sinh khối và chất thải rắn đi đôi với công tác BVMT và phát triển KTTH”.

Ngày 01/01/2021, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, trong đó giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì xây dựng Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam.

Giai đoạn 2021 -2030, Đảng và Nhà nước xác định việc phát triển nền KTTH là một trong những định hướng quan trọng của đất nước. Theo đó, Việt Nam sẽ triển khai mô hình KTTH dựa trên 3 trụ cột: Thiết kế, kéo dài vòng đời vật liệu; Giảm rác thải, phát thải; Khôi phục hệ sinh thái. Từ nhìn nhận bối cảnh quốc tế, tình hình thực tiễn trong nước, quan điểm KTTH lần đầu tiên được nhấn mạnh trong Nghị quyết Đại hội toàn quốc của Đảng lần thứ XIII năm 2021. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đưa ra một trong những định hướng PTBV đất nước giai đoạn 2021 - 2030, đó là: “Xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường”, trong đó có nội dung “khuyến khích

phát triển mô hình KTTH để sử dụng tổng hợp và hiệu quả đầu ra của quá trình sản xuất”... Có thể nói, xây dựng nền KTTH, phát triển bền vững đã được Đảng xác định là một trong những định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030, trở thành quan điểm xuyên suốt trong chủ trương, chính sách của Đảng để đạt được các mục tiêu phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định nội dung cốt lõi của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa giai đoạn 2021-2030 là thúc đẩy quá trình chuyển đổi số và chuyển đổi xanh các ngành, lĩnh vực. Nghị quyết khẳng định “Kinh tế số, KTTH, tăng trưởng xanh đang là mô hình nhiều quốc gia lựa chọn” và đề ra định hướng trong giai đoạn 2021 - 2030, Việt Nam “xây dựng nền kinh tế xanh, KTTH, thân thiện với môi trường”, coi “khuyến khích phát triển mô hình KTTH để sử dụng tổng hợp và hiệu quả đầu ra của quá trình sản xuất” là một trong những giải pháp chiến lược trong 10 năm tới.

2.2. Các chiến lược, chương trình hành động quốc gia

Năm 2016, Chính phủ ban hành Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững (SCP). Năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án “Phát triển ngành công nghiệp môi trường Việt Nam đến năm 2025”, nhằm hình thành ngành công nghiệp môi trường, có thể đáp ứng các nội dung của nền KTTH.

Trong Chiến lược quốc gia về tổng hợp chất thải rắn điều chỉnh năm 2018, Chính phủ khẳng định quản lý chất thải rắn là quản lý toàn bộ vòng đời của chất thải, từ khi phát sinh đến khi xử lý cuối cùng, bao gồm phòng ngừa, giảm thiểu, phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý cuối cùng nhằm bảo vệ sức khỏe con người, BVMT, tiết kiệm tài nguyên, thích ứng với biến đổi khí hậu và hướng tới sự phát triển bền vững của đất nước. Đây chính là quan điểm phát triển KTTH, mặc dù không đề cập tới thuật ngữ KTTH.

Các nội dung liên quan đến KTTH cũng được thể hiện trong các chiến lược quốc gia như: Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam 2011-2020; Chiến lược bảo vệ môi trường đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022); Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 (Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021); Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 25/22/2015); Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn năm 2050 (Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018); Chương trình hành động

quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 24/6/2020); Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa;... Trong đó, mô hình KTTH được xác định là một trong những giải pháp quan trọng thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững, thúc đẩy quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên, nhiên liệu, nguyên vật liệu, khuyến khích phát triển các nguồn tài nguyên, nhiên liệu, nguyên vật liệu và sản phẩm thân thiện môi trường, có thể tái tạo, tái sử dụng và tái chế; thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững trên nền tảng đổi mới, sáng tạo, thực hành và phát triển các mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững, đẩy mạnh sản xuất và tiêu dùng nội địa bền vững, tạo việc làm ổn định và việc làm xanh, thúc đẩy lối sống bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, hướng đến phát triển nền KTTH ở Việt Nam.

Tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 thông qua tại Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Việt Nam đã xác định chủ trương “phát triển kinh tế xanh, ít chất thải, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, các-bon thấp; khuyến khích phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn để sử dụng tổng hợp và hiệu quả đầu ra của quá trình sản xuất. Nâng cao tính chống chịu và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu của hệ thống kết cấu hạ tầng và của nền kinh tế”. Chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021- 2030 cũng đã nêu ra các phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội trong đó có phát triển kinh tế tuần hoàn như một mô hình kinh tế để quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Đồng thời, để đạt được các mục tiêu đề ra, Việt Nam đã và đang triển khai một loạt chương trình, kế hoạch liên quan đến phát triển kinh tế tuần hoàn. Dự thảo Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện KTTH đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì soạn thảo đang trình Thủ tướng Chính phủ với đề xuất 5 nhóm quan điểm, các mục tiêu gắn với các chỉ tiêu để giám sát, đánh giá theo các giai đoạn đến năm 2030 và năm 2035. Kế hoạch hành động xác định những ngành, lĩnh vực sản xuất sản phẩm cần được ưu tiên thực hiện kinh tế tuần hoàn thời gian tới. Trong đó tập trung vào 9 nhóm ngành quan trọng có tiềm năng thực hiện kinh tế tuần hoàn như giao thông vận tải, nông nghiệp, xây dựng, quản lý chất thải, công nghiệp, hóa chất.... Trên cơ sở những ngành này, đã điều tra khảo sát và phân thành 34 tiểu ngành.

Để hiện thực hóa Kế hoạch hành động, dự thảo đã đề ra 5 nhóm giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm như: Nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng và phát triển các thực hành tốt về

thực hiện KTTH trong việc đẩy mạnh truyền thông, bổ sung kiến thức pháp luật, lồng ghép các nội dung giáo dục về KTTH vào chương trình giáo dục các cấp học, bậc học, bồi dưỡng cán bộ. Theo 5 nhóm giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm này, trong Dự thảo Kế hoạch đặt ra 38 nhiệm vụ, hoạt động cụ thể giao cho các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh... gắn với thời gian thực hiện cụ thể. Đây là điều kiện quan trọng để thúc đẩy thực hiện kinh tế tuần hoàn.

Để đạt được các mục tiêu đề ra trong Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn, bên cạnh yếu tố tiên quyết là sự nỗ lực của cộng đồng doanh nghiệp, ý thức người dân, đòi hỏi sự vào cuộc tích cực, hiệu quả của các bộ/ngành, UBND cấp tỉnh, các tổ chức đoàn thể... trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch.

Đồng thời, xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về thực hiện KTTH bao gồm: Tổ chức xây dựng, ban hành Kế hoạch hành động thực hiện KTTH cho ngành, lĩnh vực và các tỉnh; hoàn thiện các quy định pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để khuyến khích thực hiện KTTH; hỗ trợ thúc đẩy áp dụng kinh tế tuần hoàn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng; tăng cường quản lý chất thải và đẩy mạnh liên kết, hợp tác, giám sát, đánh giá thực hiện KTTH.

Đề án và Kế hoạch hành động quốc gia về kinh tế tuần hoàn được xây dựng với mục tiêu kéo dài vòng đời sản phẩm, giảm chất thải và tăng cường đổi mới sáng tạo. Nhằm thúc đẩy thực hiện kinh tế tuần hoàn đến năm 2030 và xa hơn, 38 nhiệm vụ cụ thể đã được phân công cho các bộ, ngành, địa phương.

Kế hoạch đưa ra mục tiêu đến năm 2025 sẽ xây dựng, thiết lập cơ chế vận hành nền tảng kết nối thông tin, chia sẻ dữ liệu thực hiện kinh tế tuần hoàn. Ban hành khung hướng dẫn; hoàn thành việc xây dựng, ban hành kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn của các ngành, lĩnh vực, địa phương.

Kinh tế tuần hoàn sẽ được lồng ghép vào trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án phát triển; quản lý, tái sử dụng, tái chế chất thải ở các cấp, các ngành. Cùng với đó, ban hành, tổ chức hướng dẫn áp dụng hiệu quả các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về thúc đẩy thực hiện kinh tế tuần hoàn trong pháp luật bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Kế hoạch cũng đặt mục tiêu xây dựng tài liệu, tổ chức hướng dẫn áp dụng kinh tế tuần hoàn cho một số ngành, lĩnh vực ưu tiên theo lộ trình; thiết lập hệ thống tổ chức, quản lý, theo dõi, đánh giá, hỗ trợ và xây dựng khung giám sát chung về thực hiện kinh tế tuần hoàn.

Đến năm 2030, kế hoạch đặt mục tiêu kinh tế tuần hoàn được phổ biến, áp dụng rộng rãi và là nguyên tắc, cách tiếp cận ưu tiên trong quản lý, sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, quản lý chất thải ở tất cả các cấp, ngành, lĩnh vực, thành phần kinh tế. Hình thành môi trường thể chế, hệ thống chính sách, pháp luật, khoa học, công nghệ và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, thiết thực, hiệu quả để thúc đẩy đổi mới, sáng tạo trong áp dụng kinh tế tuần hoàn theo hướng hiện đại trên nền tảng công nghệ số.

Phát triển các thói quen, thực hành tốt về áp dụng kinh tế tuần hoàn vào sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng; phổ biến, nhân rộng các mô hình kinh tế tuần hoàn phù hợp với lợi thế và đặc trưng của các ngành, lĩnh vực và từng địa phương.

Theo kế hoạch, Việt Nam cũng đặt mục tiêu hình thành các chuỗi cung ứng và thu hồi nguyên liệu, nhiên liệu theo các sản phẩm, dòng chất thải trọng tâm theo các chiến lược, biện pháp và tiêu chí của kinh tế tuần hoàn đối với một số sản phẩm có tiềm năng hoặc tiêu hao nhiều nguyên liệu, vật liệu và năng lượng. Phấn đấu đạt được các chỉ tiêu về sử dụng hiệu quả tài nguyên, tái sử dụng, tái chế chất thải tương đương với các nước dẫn đầu trong khối ASEAN; đóng góp đáng kể vào mục tiêu phục hồi xanh ở các ngành, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng

Kế hoạch nhấn mạnh quan điểm thực hiện kinh tế tuần hoàn là nhiệm vụ liên ngành và là trách nhiệm của toàn xã hội với sự vào cuộc của các cấp chính quyền, bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân. Nhà nước đóng vai trò kiến tạo, hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật, cơ chế, định hướng, cung cấp thông tin, dữ liệu, tạo không gian, động lực và điều kiện cho quá trình chuyển đổi, ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn; quyền và lợi ích của người tiêu dùng, doanh nghiệp, hợp tác xã, cộng đồng dân cư, các tổ chức và cá nhân là động lực dẫn dắt thực hiện kinh tế tuần hoàn.

Thực hiện kinh tế tuần hoàn là tiến trình dài và liên tục, cần được đánh giá và điều chỉnh trên cơ sở đảm bảo tính kế thừa trong suốt quá trình thực hiện. Tận dụng tối đa lợi thế, tiềm năng, đặc điểm của các ngành, lĩnh vực, từng vùng, miền và địa phương để lựa chọn, nghiên cứu, thí điểm, nhân rộng và phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn phù hợp, hiệu quả, giàu tính cạnh tranh...

Kế hoạch xác định 5 chủ đề thực hiện kinh tế tuần hoàn với 17 nhóm nhiệm vụ, hoạt động và 56 nhiệm vụ, hoạt động cụ thể. Theo đó, 5 chủ đề chính được đưa ra gồm: (i) nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng và phát triển các thực hành tốt về thực hiện kinh tế tuần hoàn; (ii) xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về thực hiện kinh tế tuần hoàn; (iii) hỗ trợ thúc đẩy áp dụng kinh tế tuần

hoàn trong sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng; (iv) quản lý chất thải để thực hiện kinh tế tuần hoàn; (v) tăng cường liên kết, hợp tác, giám sát, đánh giá thực hiện kinh tế tuần hoàn...

Đề xuất cơ chế thử nghiệm để thực hiện kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam, lựa chọn các ngành, lĩnh vực thử nghiệm cần hướng tới bảo đảm không gian rộng nhất cho doanh nghiệp thiết kế các mô hình, dự án kinh tế tuần hoàn. Theo đó, một số ngành, lĩnh vực tập trung thử nghiệm như nông nghiệp, công nghiệp chế biến, năng lượng và vật liệu xây dựng. Trong đó, tập trung vào 5 lĩnh vực ưu tiên về: Nông nghiệp xanh, sạch và ứng dụng công nghệ cao; phát triển đô thị và phương thức vận tải bền vững; chuyển đổi xanh; áp dụng các mô hình KTTH từ phân phối đến tiêu dùng; phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường biển.

Nhận thức được tính cấp thiết của việc cần phải thúc đẩy phát triển KTTH, ngay từ năm 2020, Việt Nam đã chủ động nghiên cứu, xác định chủ trương, tư duy, định hướng và các nhiệm vụ phát triển KTTH. Nhiều nghiên cứu cơ bản, tham vấn các chuyên gia, nhà đầu tư về KTTH đã được thực hiện. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương cũng đề xuất một số chính sách cần thử nghiệm bao gồm chính sách khu công nghiệp, tín dụng xanh, phân loại xanh, khoa học công nghệ và phát triển nguồn nhân lực, cùng với các chính sách đất đai phù hợp để hỗ trợ phát triển KTTH.

2.3. Các luật

KTTH không chỉ được đề cập trong chủ trương của Đảng mà trong những năm qua, Nhà nước đã thể chế hóa thành những chính sách, pháp luật liên quan đến phát triển KTTH. Nhiều văn bản luật có những quy định điều chỉnh về hoạt động KTTH cũng đã được ban hành, tiêu biểu như: Luật Bảo vệ môi trường (2005, 2014, 2020), Luật Hóa chất (2007), Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa (2007); Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (2010); Luật Khoáng sản (2010); Luật Tài nguyên nước (2012); Luật An toàn thực phẩm (2012); Luật Đất đai (2013); Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật (2013); Luật Phòng, chống thiên tai (2013); Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (2015); Luật Lâm nghiệp (2017)... Các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên thể hiện sự chuyển đổi hướng đến xây dựng KTTH, ứng phó với biến đổi khí hậu và xây dựng nền kinh tế xanh, KTTH, phát triển bền vững.

Đặc biệt, Việt Nam là quốc gia đầu tiên ở ASEAN đưa quy định về áp dụng kinh tế tuần hoàn vào trong Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung vào năm 2020) với quy định riêng về kinh tế tuần hoàn và nhiều quy định khác để thúc đẩy áp dụng kinh tế tuần hoàn trong tất cả các ngành, lĩnh vực của đời sống.

Đặc biệt, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (Luật số 72/2020/QH14 được Quốc hội ban hành vào ngày 17/11/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022) lần đầu tiên dành riêng một điều khoản cụ thể để quy định về KTTH. Việc quy định về KTTH trực tiếp trong Luật Bảo vệ môi trường cho thấy tầm quan trọng của định hướng xây dựng KTTH ở Việt Nam, một chính sách xuyên suốt thống nhất và đồng bộ, cơ sở pháp lý quan trọng để các cấp, cách ngành, doanh nghiệp triển khai thực hiện mô hình KTTH ở cấp chiến lược. Một trong những chính sách về bảo vệ môi trường được quy định tại khoản 11 Điều 5 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 là “Lồng ghép, thúc đẩy các mô hình KTTH, kinh tế xanh trong xây dựng và thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội”. Như vậy, Luật khẳng định, KTTH là mô hình kinh tế cần được khuyến khích phát triển từ các cơ quan hoạch định chính sách, chỉ đạo thực hiện và đặc biệt là đối với sản xuất - kinh doanh của các doanh nghiệp, các ngành.

Luật BVMT sửa đổi năm 2020 đã chính thức đề cập đến khái niệm và các quy định về KTTH. Cụ thể, ngoài phần giải thích thuật ngữ KTTH (Khoản 33, Điều 3), Luật còn dành riêng một điều về KTTH, trong đó khẳng định KTTH được thực hiện ngay từ giai đoạn xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển và giai đoạn xây dựng dự án, thiết kế sản phẩm, hàng hóa. Đồng thời, Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động hỗ trợ thúc đẩy KTTH. Lần đầu tiên, trong luật bảo vệ môi trường năm 2020 đã pháp lý hóa khái niệm, nội hàm về kinh tế tuần hoàn. Điều 142 của Luật Bảo vệ môi trường đã đưa ra quy định về kinh tế tuần hoàn.

Tại Điều 142 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, KTTH được ghi nhận thành một điều khoản riêng biệt. Theo đó, KTTH ở Việt Nam được xác định “Là mô hình kinh tế, trong đó có các hoạt động thiết kế, sản xuất, tiêu dùng và dịch vụ nhằm giảm khai thác nguyên liệu, vật liệu, kéo dài vòng đời sản phẩm, hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường”. Ngoài ra, Luật cũng quy định trách nhiệm cho các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh trong việc thực hiện lồng ghép KTTH ngay từ giai đoạn xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án phát triển; quản lý, tái chế, tái sử dụng chất thải; cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có trách nhiệm thiết lập hệ thống quản lý và thực hiện các biện pháp để giảm khai thác tài nguyên, giảm chất thải, nâng cao mức độ tái sử dụng và tái chế chất thải ngay từ giai đoạn xây dựng dự án, thiết kế sản phẩm, hàng hóa đến giai đoạn sản xuất, phân phối. Đặc biệt, Luật giao Chính phủ có trách nhiệm quy định tiêu chí, lộ trình, cơ chế khuyến khích thực hiện KTTH phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước.

Theo khoản 1 Điều 142 Luật Bảo vệ môi trường 2020, kinh tế tuần hoàn là mô hình kinh tế trong đó các hoạt động thiết kế, sản xuất, tiêu dùng và dịch vụ nhằm giảm khai thác nguyên, vật liệu; kéo dài vòng đời sản phẩm; hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 142 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định cụ thể như sau:

2. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện lồng ghép kinh tế tuần hoàn ngay từ giai đoạn xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án phát triển; quản lý, tái sử dụng, tái chế chất thải.

3. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có trách nhiệm thiết lập hệ thống quản lý và thực hiện biện pháp để giảm khai thác tài nguyên, giảm chất thải, nâng cao mức độ tái sử dụng và tái chế chất thải ngay từ giai đoạn xây dựng dự án, thiết kế sản phẩm, hàng hóa đến giai đoạn sản xuất, phân phối.

Trong Luật BVMT năm 2020 cũng đã đưa ra những quy định chi tiết hơn về tiêu chí, nêu rõ cơ chế khuyến khích thực hiện KTTH đối với các hoạt động sau: Nghiên cứu khoa học, phát triển ứng dụng, chuyển giao công nghệ và sản xuất thiết bị, đào tạo nhân lực để thực hiện KTTH; Cung cấp nền tảng chia sẻ thông tin, dữ liệu về KTTH...

2.4. Các văn bản dưới luật

Bên cạnh hệ thống các luật, nhiều văn bản dưới luật cũng đã được ban hành để cụ thể hóa những chính sách, pháp luật về phát triển KTTH.

2.4.1. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

Ngày 10/01/2022, Chính phủ ban hành Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, đã quy định các nội dung cụ thể về KTTH, trong đó có nhiệm vụ về xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia về KTTH. Nghị định 08 đã hướng dẫn chi tiết về tiêu chí, cách thức áp dụng, phân công trách nhiệm và cơ chế khuyến khích áp dụng KTTH và nêu rõ các yêu cầu hướng dẫn chi tiết triển khai thực hiện kinh tế tuần hoàn, trong đó có giao Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn đến năm 2030.

Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022 đưa ra những quy định chi tiết hơn về tiêu chí; những quy định đối với chủ dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, chủ dự án đầu tư khu đô thị, khu dân cư tập trung trong việc thực hiện để đạt được tiêu chí kinh tế tuần hoàn. Cụ thể, xác định 3 trụ cột đại diện cho 3 nhóm tiêu chí chung về kinh tế tuần hoàn gồm nhóm thứ nhất là

giảm khai thác, sử dụng tài nguyên không tái tạo, tài nguyên nước; tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên, nguyên liệu thô, vật liệu; tiết kiệm năng lượng. Nhóm thứ hai, kéo dài thời gian sử dụng vật liệu, thiết bị, sản phẩm, hàng hóa, các linh kiện, cấu kiện. Nhóm thứ ba, hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường, bao gồm: giảm chất thải rắn, nước thải, khí thải; giảm sử dụng hóa chất độc hại; tái chế chất thải, thu hồi năng lượng; giảm sản phẩm sử dụng một lần; mua sắm xanh.

Khoản 3 và 4 Điều 56, Nghị định 08/2022/NĐ-CP quy định việc sử dụng sản phẩm thải bỏ, chất thải rắn phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và tiêu dùng phải theo nguyên tắc tận dụng tối đa giá trị của sản phẩm thải bỏ, chất thải rắn thông qua việc áp dụng các giải pháp theo thứ tự ưu tiên sau:

- a) Tái sử dụng sản phẩm thải bỏ;
- b) Sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì hoặc nâng cấp sản phẩm bị lỗi, sản phẩm cũ để kéo dài thời gian sử dụng;
- c) Tận dụng thành phần, linh kiện của sản phẩm thải bỏ;
- d) Tái chế chất thải rắn để thu hồi nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất theo quy định của pháp luật;
- đ) Xử lý chất thải rắn kết hợp thu hồi năng lượng theo quy định của pháp luật;
- e) Chôn lấp chất thải rắn theo quy định của pháp luật.

- Khuyến khích áp dụng giải pháp chuyển đổi số, phát triển và ứng dụng mô hình kinh doanh dựa trên nền tảng số để thúc đẩy giảm thiểu phát sinh, tái sử dụng, phân loại, thu gom, vận chuyển, tái chế và xử lý chất thải rắn.

Điều 57. Yêu cầu chung về quản lý nước thải

1. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

2. Sử dụng tối đa giá trị của nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt thông qua việc áp dụng các giải pháp theo thứ tự ưu tiên sau:

- a) Xử lý và tái sử dụng nước thải trực tiếp cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật;
- b) Xử lý và chuyển giao để tái sử dụng nước thải cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật;
- c) Chuyển giao cho đơn vị khác để xử lý, tái sử dụng theo quy định của pháp luật;
- d) Xử lý, xả thải nước thải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

Điều 138 đến 140 thuộc mục 3 – Tiêu chí, lộ trình và cơ chế khuyến khích phát triển kinh tế tuần hoàn trong chương 10 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Theo Khoản 1, Điều 138, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, tiêu chí chung về kinh tế tuần hoàn bao gồm:

- Giảm khai thác, sử dụng tài nguyên không tái tạo, tài nguyên nước; tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên, nguyên liệu thô, vật liệu; tiết kiệm năng lượng;
- Kéo dài thời gian sử dụng vật liệu, thiết bị, sản phẩm, hàng hóa, các linh kiện, cấu kiện;
- Hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường bao gồm: giảm chất thải rắn, nước thải, khí thải; giảm sử dụng hóa chất độc hại; tái chế chất thải, thu hồi năng lượng; giảm sản phẩm sử dụng một lần; mua sắm xanh.

Căn cứ theo Điều 139 Nghị định 08/2022/NĐ-CP quy định cụ thể Lộ trình, trách nhiệm thực hiện kinh tế tuần hoàn như sau:

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn theo quy định tại khoản 5 Điều này trước ngày 31 tháng 12 năm 2023;
- b) Xây dựng, vận hành nền tảng kết nối thông tin, chia sẻ dữ liệu về áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn;
- c) Xây dựng, ban hành khung hướng dẫn áp dụng, đánh giá việc thực hiện kinh tế tuần hoàn;
- d) Thực hiện các trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều này thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực được giao quản lý.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý nhà nước được giao, có trách nhiệm:

- a) Xây dựng, phê duyệt kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn của ngành, lĩnh vực, sản phẩm phù hợp với kế hoạch hành động quốc gia quy định tại khoản 5 Điều này;
- b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật, giáo dục, đào tạo về nội dung kinh tế tuần hoàn;

c) Lồng ghép các tiêu chí cụ thể thực hiện kinh tế tuần hoàn ngay trong quá trình xây dựng các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án phát triển; quản lý, tái sử dụng, tái chế chất thải;

d) Quản lý, cập nhật thông tin, dữ liệu thực hiện kinh tế tuần hoàn và tích hợp với hệ thống thông tin dữ liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

đ) Tổ chức áp dụng thí điểm mô hình kinh tế tuần hoàn đối với ngành, lĩnh vực năng lượng, nguyên liệu, chất thải theo kế hoạch hành động quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này;

e) Thực hiện các trách nhiệm khác liên quan đến kinh tế tuần hoàn theo quy định tại Nghị định này.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Xây dựng, lấy ý kiến của các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan và phê duyệt kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh phù hợp với các kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Thực hiện các trách nhiệm quy định tại các điểm b, c, d và e khoản 2 Điều này trên địa bàn quản lý;

c) Tổ chức áp dụng thí điểm mô hình kinh tế tuần hoàn đối với ngành, lĩnh vực năng lượng, nguyên liệu, chất thải theo kế hoạch hành động quy định tại điểm a khoản này, khoản 4 và khoản 5 Điều này.

Nghị định nêu rõ cơ chế khuyến khích thực hiện kinh tế tuần hoàn. Tại điều 140, Nghị định quy định, Nhà nước ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế tuần hoàn đối với các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển ứng dụng, chuyển giao công nghệ và sản xuất thiết bị, đào tạo nhân lực để thực hiện kinh tế tuần hoàn; cung cấp nền tảng chia sẻ thông tin, dữ liệu về kinh tế tuần hoàn. Các tổ chức, cá nhân có hoạt động, dự án áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn thuộc đối tượng được ưu đãi, hỗ trợ về bảo vệ môi trường, dự án được cấp tín dụng xanh theo quy định của pháp luật được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật khác có liên quan và cơ chế khuyến khích về Tín dụng xanh, Trái phiếu xanh theo quy định tại Nghị định này...

2.4.2. Nghị định số 06/2022/NĐ-CP

Để ngăn chặn biến đổi khí hậu, hướng tới sự phát triển bền vững, tại Hội nghị COP26 (tháng 11/2021), Việt Nam đã đưa ra những cam kết mạnh mẽ về giảm phát thải khí nhà kính với mục tiêu đạt phát thải ròng bằng “0” (Net Zero) vào năm 2050, trong đó chuyển đổi cơ cấu năng lượng sang ưu tiên năng lượng sạch, tái tạo là trọng tâm. Cam kết này đã

gửi đến cộng đồng quốc tế một tín hiệu rõ ràng về định hướng và quyết tâm của Việt Nam hướng tới phát triển một nền kinh tế carbon thấp và bền vững. Theo báo cáo Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) vào năm 2022, Việt Nam dự kiến cắt giảm tổng lượng phát thải khí nhà kính lần lượt là 15,8% và 43,5% vào năm 2030 với sự hỗ trợ từ các quốc gia khác. Để thực hiện mục tiêu này, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 06/2022/NĐ-CP về Quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, trong đó có lộ trình mua, bán và chuyển giao tín chỉ các-bon, nhằm thực hiện các cam kết quốc tế. Theo đó, Việt Nam sẽ phát triển một thị trường các-bon bắt buộc vào năm 2027, bao gồm các hệ thống mua, bán, trao đổi và chuyển giao tín chỉ các-bon cũng như hạn ngạch cho các doanh nghiệp cắt giảm khí thải. Tuy nhiên, theo nhiều tổ chức quốc tế, việc chuyển đổi năng lượng cùng với sử dụng hiệu quả năng lượng chỉ đóng góp được 55% cho mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính, còn 45% nằm ở các giải pháp kinh tế tuần hoàn. Trong bối cảnh đó, kinh tế tuần hoàn là nền tảng, tạo ra chìa khóa vàng giúp Việt Nam đạt mục tiêu Net Zero như đã cam kết, cũng như góp phần chống lại biến đổi khí hậu, suy thoái môi trường để phát triển bền vững.

2.4.3. Quyết định số 687/QĐ-TTg

Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam đã tạo động lực cho đổi mới sáng tạo, cải thiện năng suất lao động, thúc đẩy tăng trưởng xanh gắn với cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng tăng cường hiệu quả, góp phần đạt được thịnh vượng về kinh tế, bền vững về môi trường và công bằng về xã hội.

Quyết định số 687/QĐ-TTg đã khẳng định chủ động phát triển KTTH là tất yếu, phù hợp với xu hướng, yêu cầu tạo đột phá trong phục hồi kinh tế và thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững; góp phần thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng hiện đại, nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng chủ động thích ứng, chống chịu trước các cú sốc từ bên ngoài, hiện thực hóa Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đồng thời, tăng cường nhận thức, sự quan tâm đầu tư của các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước đối với mô hình KTTH, thúc đẩy xanh hóa các ngành kinh tế. Mô hình KTTH hỗ trợ xây dựng lối sống xanh, khuyến khích phân loại chất thải và thúc đẩy tiêu dùng bền vững. Đề án xác định, cần tập trung ban hành các chính sách dài hạn nhằm khuyến khích, ưu đãi, tạo thuận lợi cho phát triển KTTH trên cơ sở nâng cao nhận thức,

sự chủ động, phát huy đổi mới sáng tạo và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, khuyến khích lối sống có trách nhiệm của từng cá nhân đối với cộng đồng và xã hội.

Một số ý thuộc các mục tiêu cụ thể được nêu ra trong Quyết định này:

- Góp phần cụ thể hóa mục tiêu giảm cường độ phát thải KNK trên GDP ít nhất 15% vào năm 2030 so với năm 2014, hướng tới mục tiêu phát thải ròng về 0 vào năm 2025.
- Đến năm 2025, các dự án kinh tế tuần hoàn bắt đầu đi vào thực hiện và phát huy hiệu quả kinh tế, xã hội, công nghệ và môi trường; giảm tiêu hao năng lượng, tăng tỷ trọng năng lượng tái tạo trên tổng cung cấp năng lượng sơ cấp...
- Đến năm 2030, các dự án kinh tế tuần hoàn trở thành một động lực chủ yếu trong giảm tiêu hao năng lượng sơ cấp, có năng lực tự chủ phần lớn hoặc toàn bộ nhu cầu năng lượng dựa trên năng lượng tái tạo...
- Đến năm 2025, tái sử dụng, tái chế, xử lý 85% lượng chất thải nhựa phát sinh; giảm thiểu 50% rác thải nhựa trên biển và đại dương so với giai đoạn trước; giảm dần mức sản xuất và sử dụng túi ni-lông khó phân hủy và sản phẩm nhựa dùng một lần trong sinh hoạt...
- Đến năm 2030, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn thông qua các mô hình kinh tế tuần hoàn đạt 50%; 100% rác thải hữu cơ ở đô thị và 70% rác thải hữu cơ ở nông thôn được tái chế; không làm phát sinh việc chôn lấp trực tiếp CTRSH từ các mô hình KTTH ở đô thị; tối đa hóa tỉ lệ nước thải đô thị được thu gom và xử lý bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định ở các khu đô thị.

Điểm nổi bật của Đề án Phát triển KTTH cụ thể là đến năm 2025, các dự án KTTH bước đầu đi vào thực hiện và phát huy hiệu quả kinh tế - xã hội, công nghệ và môi trường đóng góp vào phục hồi các tài nguyên tái tạo được, giảm tiêu hao năng lượng, tăng tỉ trọng năng lượng tái tạo trên tổng cung cấp năng lượng sơ cấp, tỉ lệ che phủ rừng, tăng cường tỉ lệ tái chế chất thải, tăng cường tỉ lệ nội địa hóa của các sản phẩm nông, lâm, thủy sản và công nghiệp xuất khẩu. Tăng đáng kể năng lực tái chế chất thải hữu cơ ở đô thị và nông thôn. Nâng cao nhận thức của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng và người dân trong sản xuất, tiêu thụ, thải bỏ chất thải nhựa, túi ni lông khó phân hủy và sản phẩm nhựa dùng một lần trong sinh hoạt.

Đề án cũng nêu ra các nhiệm vụ, giải pháp, trong đó có nâng cao nhận thức về KTTH cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cộng đồng doanh nghiệp và người dân; xây

dựng kế hoạch phát triển KTTH riêng hoặc lồng ghép phát triển KTTH vào các quy hoạch, kế hoạch phát triển KTXH của địa phương; hoàn thiện cơ chế phát triển công nghiệp và dịch vụ môi trường tuần hoàn góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng cuộc sống và khả năng chống chịu của người dân với BĐKH, bảo đảm bình đẳng về điều kiện, cơ hội phát huy năng lực, cải thiện năng suất lao động và thu nhập của người lao động từ KTTH...

2.5. Đánh giá chung về hệ thống chính sách pháp luật thúc đẩy phát triển KTTH tại Việt Nam

2.5.1. Thuận lợi

Một là, khung pháp lý thúc đẩy nền KTTH ở Việt Nam khá toàn diện, bao hàm đầy đủ cả chu trình vận động của vật chất từ sản xuất - tiêu dùng - xả thải; từ góc độ kỹ thuật, thể chế thực hiện đến các chính sách hỗ trợ. Việc thừa nhận chính thức về mô hình KTTH trong các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là đã được chính thức luật hóa là căn cứ quan trọng nhằm đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động KTTH trong thời gian tới.

Hai là, hệ thống các chính sách, quy định, các mục tiêu đặt ra trong từng giai đoạn cho thấy những nỗ lực và kỳ vọng của Việt Nam trong việc xây dựng và thực hiện hệ thống các giải pháp nhằm thúc đẩy KTTH tại Việt Nam nói chung và KTTH trong công nghiệp nói riêng. Hệ thống các chính sách thúc đẩy sản xuất sạch hơn, xanh hóa sản xuất; khai thác, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên trong sản xuất, tiêu dùng được triển khai xuyên suốt; tích hợp đa dạng trong các chính sách của các ngành nghề, lĩnh vực tạo ra những chuyển biến quan trọng trong nhận thức các bên liên quan và kết quả sản xuất, mô hình sản xuất, kinh doanh.

Ba là, các chính sách tiêu dùng hướng tới KTTH đã bao quát cả tiêu dùng trong sản xuất, kinh doanh thương mại và tiêu dùng cá nhân; bao gồm cả tiêu dùng/sử dụng tài nguyên, năng lượng đến công cụ/phương tiện lao động sản xuất; nhắm tới thay đổi nhận thức đến thói quen và hành vi của các bên liên quan; đặc biệt là tiêu dùng của các doanh nghiệp.

Bốn là, chính sách ưu đãi khá đa dạng, bao gồm cả ưu đãi về thuế, phí; trái phiếu, tín dụng đầu tư trong hầu hết các hoạt động liên quan đến sản xuất, tiêu dùng cũng như xử lý/quản lý chất thải. Các khung/mức hỗ trợ, khuyến khích tăng; đồng thời mức độ xử phạt cũng nâng cao dần.

Năm là, các chính sách thường xuyên được bổ sung cập nhật và thử nghiệm các chính sách mới phù hợp với các xu hướng mới, đẩy mạnh công nghệ số như: chính sách xây dựng các trung tâm lưu trữ thông tin về chất thải làm cơ sở cho cộng sinh công nghiệp, khu công nghiệp sinh thái; mở rộng trách nhiệm của nhà sản xuất, chính sách về logistic... nhằm theo kịp tốc độ phát triển của nền kinh tế, từng bước hoàn thiện và nâng cao hiệu quả quản lý và phát triển.

2.5.2. Khó khăn và thách thức

Thách thức lớn nhất trong việc áp dụng mô hình KTTH là các quy định về KTTH tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 là rất mới. Pháp luật về KTTH còn phân tán và thiếu tính hệ thống, nằm rải rác ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau; chưa được quy định chi tiết, đầy đủ; không dẫn chiếu, liên kết với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; tính hiệu lực, hiệu quả của các quy định pháp luật còn hạn chế. Chưa có bộ tiêu chí để nhận diện, đánh giá, tổng kết và đưa ra phân loại chính xác mức độ phát triển của KTTH để biết được sự phát triển kinh tế hiện nay đã tiếp cận tới phát triển KTTH trong các ngành, lĩnh vực và địa phương ở mức độ nào. Các điều kiện về pháp lý, cơ chế chính sách ưu đãi cho các hoạt động tái chế, tái sử dụng chất thải, tận thu năng lượng từ quá trình xử lý chất thải rắn còn thiếu và chưa có sự thống nhất, đồng bộ,... nên chưa tạo ra được những động lực đột phá.

3. GIẢI PHÁP

Có thể khẳng định, phát triển KTTH là chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta. Mặc dù đã tiệm cận với mô hình phát triển kinh tế tuần hoàn nhưng Việt Nam vẫn chưa có quy định pháp luật cụ thể và tiếp cận một cách hệ thống về triển khai mô hình kinh tế này. Chính vì thế, đây là thời điểm thuận lợi và hợp lý để Việt Nam hoàn thiện pháp luật, khắc phục những bất cập còn tồn tại, đồng thời ban hành các chính sách ưu đãi đầu tư hấp dẫn, góp phần phát triển kinh tế xanh, bảo vệ môi trường. Để thúc đẩy phát triển KTTH nhằm góp phần phát triển bền vững, cần thực hiện những giải pháp sau đây:

3.1. Tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý cho KTTH

Kinh tế tuần hoàn là xu thế tất yếu của thế giới. Khi môi trường sống toàn cầu đang bị đe dọa, cả thế giới phải đối mặt với nhiều thách thức, khó khăn. Mỗi quốc gia phải có trách nhiệm đề ra các giải pháp để giải quyết vấn đề vừa tiết kiệm được nguồn nhiên liệu, đảm bảo các hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo ra giá trị kinh tế cao, vừa bảo vệ môi trường. Việt Nam đã bước đầu thực hiện tốt mô hình KTTH và đạt được một số kết quả nhất định. Tuy vậy, pháp luật Việt Nam vẫn chưa hoàn thiện các quy định về mô hình mới

này. Cần phải có một hành lang pháp lý rõ ràng cho hình thành, phát triển các mô hình KTTH, từ chủ trương của Đảng đến pháp luật của Nhà nước. Kinh nghiệm các nước đã và đang thực hiện KTTH đều có luật và quy định pháp lý rõ ràng. Việt Nam nên có lộ trình và tiến tới xây dựng luật cho phát triển các mô hình KTTH. Chính vì thế, việc hoàn thiện pháp luật là điều cần thiết để KTTH phát triển theo hệ thống, mạnh mẽ, an toàn hơn. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về KTTH được đề xuất như sau:

Một là, Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật có liên quan đến KTTH. Các văn bản quy phạm pháp luật phải được ban hành theo hệ thống rõ ràng, cụ thể và mang tính chất bắt buộc thực hiện. Năm 2008, Trung Quốc thông qua Luật Thúc đẩy KTTH và một loạt chính sách được ban hành để nâng cao trách nhiệm của các doanh nghiệp sản xuất trong việc tiết kiệm năng lượng và sử dụng nguồn nguyên liệu có khả năng tái tạo... Nền KTTH ở Trung Quốc do vậy được xây dựng theo một lộ trình khá cụ thể. Nhật Bản cũng là một quốc gia tiếp cận với KTTH ở cấp độ sâu, rộng. Từ năm 1991, Nhật Bản bắt đầu xây dựng khung pháp lý để thực hiện KTTH, trong đó các hoạt động thu gom chất thải và xử lý để tái chế được kiểm soát vô cùng chặt chẽ. Nhìn chung, các quốc gia ở châu Á đã có một hệ thống chính sách và công cụ hoàn chỉnh, việc thực hiện KTTH là bắt buộc đối với mỗi cá nhân, tổ chức. Kinh nghiệm rút ra từ các quốc gia trên, Việt Nam cần ban hành Luật về KTTH. Đây là mô hình kinh tế mới, việc chuyển đổi từ kinh tế tuyến tính sang KTTH còn gặp nhiều thách thức, khó khăn. Do vậy, việc ban hành khung pháp luật có hiệu lực pháp lý cao, quy định tập trung và toàn diện là điều cần thiết trong thời điểm hiện tại. Bên cạnh đó, các văn bản pháp luật có liên quan về các lĩnh vực khác cũng cần được rà soát và sửa đổi, bổ sung sao cho phù hợp với định hướng phát triển KTTH của Việt Nam. Chính phủ cần chuẩn bị để sớm cụ thể hóa chủ trương phát triển KTTH theo tinh thần dự thảo văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng, ban hành các chương trình, chính sách thúc đẩy KTTH ở nước ta.

Hai là, Việt Nam cần xây dựng chiến lược, lộ trình dài hạn cho việc phát triển KTTH. Cần gắn kết các chiến lược, kế hoạch phát triển tăng trưởng xanh, KTTH với quy hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Điều chỉnh quy hoạch năng lượng, giảm dần sự phụ thuộc vào các dạng năng lượng từ nhiên liệu hóa thạch, thủy điện; kiểm soát, thu hút có chọn lọc dự án đầu tư trên cơ sở xem xét các yếu tố về quy mô sản xuất, công nghệ sản xuất, kỹ thuật môi trường và vị trí thực hiện dự án. Quy định lộ trình thay thế các nhiên liệu, sản phẩm sử dụng nguyên nhiên liệu nguy hại, sản phẩm sử dụng lần bằng các nguyên nhiên liệu thân thiện với môi trường, sản phẩm sử dụng nhiều lần, kéo dài

thời gian sử dụng hữu ích của sản phẩm. Xây dựng cơ chế chính sách cho phát triển công nghệ sạch, giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải, chất thải phải là nguồn tài nguyên trong nền kinh tế xét cả khía cạnh sản xuất và tiêu dùng. Xây dựng lộ trình chuyển đổi công nghệ dựa trên các tiêu chí tiết kiệm và hiệu quả năng lượng, giảm thiểu chất thải.

Ba là, ban hành các quy định, tiêu chuẩn phát triển KTTH phù hợp với xu thế mới trong khu vực và trên thế giới. Sử dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật môi trường, công cụ thuế... nhằm hạn chế việc sử dụng quá mức tài nguyên, hạn chế rác thải trong quá trình sản xuất. Đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng kinh tế dựa vào hiệu suất sử dụng các yếu tố đầu vào vốn và lao động, tăng trưởng kinh tế bền vững gắn với sử dụng tài nguyên tiết kiệm, hiệu quả. Thông qua pháp luật, Nhà nước tạo ra một lộ trình cụ thể, quy định rõ trách nhiệm của nhà sản xuất, nhà phân phối trong việc thu hồi, phân loại và tái chế hoặc chi trả chi phí xử lý các sản phẩm thải bỏ dựa trên số lượng sản phẩm bán ra trên thị trường; quản lý dự án theo vòng đời; quy định rõ trách nhiệm của người tiêu dùng trong việc phân loại, tái chế các sản phẩm thải bỏ đã qua sử dụng... Quy định lộ trình thay thế các nhiên liệu, sản phẩm sử dụng nguyên liệu nguy hại, sản phẩm sử dụng một lần bằng các nhiên liệu, nguyên liệu thân thiện với môi trường, sản phẩm sử dụng nhiều lần, kéo dài thời gian sử dụng hữu ích của sản phẩm.

Bốn là, Nhà nước nghiên cứu xây dựng chính sách ưu đãi thuế, tín dụng để hỗ trợ cho các doanh nghiệp ứng dụng KTTH; Đồng thời, hỗ trợ các nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ gắn với ứng dụng KTTH vào sản xuất. Thúc đẩy cải cách mạnh mẽ hơn nữa các nền tảng về thể chế để mọi nguồn lực có thể được huy động, phân bổ và sử dụng một cách hiệu quả trong các khu vực có tiềm năng phát triển kinh tế tuần hoàn. Khuyến khích tất cả các thành phần kinh tế, nhất là các doanh nghiệp tham gia vào quá trình hoạch định chiến lược sản xuất, kinh doanh một cách bền vững, ứng dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn, sản xuất, kinh doanh gắn liền với bảo vệ môi trường; Quy định chặt chẽ về trách nhiệm của doanh nghiệp với chất thải do doanh nghiệp tạo ra; Lựa chọn ưu tiên phát triển một số ngành có tiềm năng, lợi thế so sánh, có vai trò dẫn dắt, lan tỏa trong phát triển kinh tế tuần hoàn trong toàn nền kinh tế.

Năm là, gắn phát triển KTTH với chiến lược chuyển đổi số, ứng dụng thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. KTTH cần phải gắn với việc ứng dụng công nghệ mới, đổi mới và sáng tạo nhằm tiết kiệm tài nguyên, nâng cao giá trị sản phẩm, giảm phế thải, khép kín chuỗi giá trị sản xuất. Thực hiện kinh tế tuần hoàn cần gắn liền với phát triển công nghệ, kinh tế số và Cách mạng công nghiệp 4.0. Công nghệ mới sẽ giúp việc thực

hiện mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả, giảm thải ô nhiễm, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, tránh khai thác quá mức tài nguyên; đồng thời, tạo được cơ hội việc làm mới... đảm bảo mục tiêu của mô hình này.

Thứ sáu, xây dựng Chiến lược truyền thông về kinh tế tuần hoàn nhằm nâng cao nhận thức của các nhà sản xuất và công chúng về trách nhiệm của họ đối với các sản phẩm trong suốt vòng đời của chúng. Cần tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức của người dân về việc phân loại rác thải tại nguồn, tạo điều kiện cho công tác thu gom, vận chuyển đưa vào tái sử dụng, tái chế được thuận lợi và dễ dàng hơn.

Thứ bảy, xây dựng sổ tay hướng dẫn áp dụng mô hình KTTH cho các DN theo ngành, lĩnh vực, quy mô.

Thứ tám, hoàn thiện cơ chế thử nghiệm trong kinh tế tuần hoàn: Quy định cơ chế thử nghiệm phát triển KTTH để thúc đẩy, khuyến khích các nhà đầu tư, doanh nghiệp sớm thử nghiệm các ý tưởng sáng tạo, đồng thời đóng góp vào quá trình chuyển đổi xanh, phục hồi xanh ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, sẽ tạo điều kiện, căn cứ thực tiễn cho việc hoàn thiện khung khổ pháp lý cho KTTH ở Việt Nam. Các lĩnh vực tham gia cơ chế thử nghiệm bao gồm: Nông, lâm nghiệp và thủy sản; công nghiệp; năng lượng; vật liệu xây dựng.

3.2. Phân công trách nhiệm

Dựa trên kinh nghiệm về mô hình KTTH trên thế giới và thực trạng tiếp cận ở Việt Nam, để thực sự chuyển đổi sang KTTH cần có sự nỗ lực chung tay và trách nhiệm của các bên liên quan trong đó doanh nghiệp là động lực trung tâm, Nhà nước đóng vai trò kiến tạo, dẫn dắt và cộng đồng tham gia thực hiện để thay đổi cả về nhận thức và hành vi của toàn xã hội. Theo đó, cần quan tâm tới một số giải pháp đồng bộ sau:

3.2.1. Đối với các bộ, ngành và chính quyền địa phương

Đóng vai trò định hướng, kiến tạo trong việc phát huy sức mạnh tổng hợp quốc gia nhằm thúc đẩy đổi mới, tư duy sáng tạo, chủ động, tích cực tham gia của toàn xã hội trong thực hiện các giải pháp của nền KTTH theo hướng thực chất, hiệu quả phù hợp với đặc trưng của địa phương, vùng, miền; vai trò kiến tạo của các bộ, ngành và các chính quyền địa phương thể hiện ở những nội dung cơ bản sau đây:

(1) Thể chế hóa KTTH thông qua hệ thống pháp luật, chính sách, thủ tục hành chính bảo đảm tính thống nhất, logic giữa hệ thống các văn bản để thực hiện KTTH một cách toàn diện, có hệ thống, có tính pháp lý cao và đồng bộ với các chính sách về thuế, phí, khuyến khích, ưu đãi về cơ chế, tài chính, hỗ trợ về đất đai, nhất là các quy định đã được nêu trong Luật Bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan như phát triển ngành

công nghiệp môi trường, dịch vụ môi trường, thị trường “tín dụng xanh”, “trái phiếu xanh”, tín chỉ các bon,... nhằm thúc đẩy cộng đồng doanh nghiệp đầu tư, nghiên cứu phát triển công nghiệp tái chế, năng lượng tái tạo, thiết kế sản phẩm, thúc đẩy sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường nhằm khuyến khích, hỗ trợ phát triển các mô hình kinh doanh một cách hiệu quả, phù hợp với đặc điểm của quốc gia và điều kiện của từng ngành nghề, từng doanh nghiệp,...

(2) Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật về áp dụng KTTH trong các ngành sản xuất, kinh doanh; lộ trình để thực hiện KTTH từ vi mô đến vĩ mô, trong đó, doanh nghiệp là động lực trung tâm. Lộ trình KTTH cũng cần gắn với các cơ chế tài chính, chế tài để thực hiện các mục tiêu đặt ra, như cơ chế hợp tác công - tư, các quy định quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật (về sản phẩm, năng lượng, khí thải, nước thải nhất là tiêu chuẩn, tiêu chí đối với các sản phẩm tái chế, tái sử dụng,...) để áp dụng KTTH; Xác định lộ trình chuyển đổi công nghệ dựa trên các tiêu chí thay thế các nhiên liệu nguy hại bằng các nhiên liệu, nguyên liệu thân thiện với môi trường, sản phẩm sử dụng nhiều lần, kéo dài thời gian sử dụng hữu ích của sản phẩm. Lồng ghép tiêu chí, chỉ tiêu, giải pháp áp dụng đổi mới công nghệ, chuyển từ thế giới thực sang thế giới số về KTTH vào các chiến lược, kế hoạch, chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội ở các cấp, các ngành, địa phương thành động lực, cơ hội để thúc đẩy phát triển nền KTTH.

(3) Xây dựng các hướng dẫn cụ thể về KTTH đối với các bên liên quan về các loại hình, tính chất, quy mô doanh nghiệp, lộ trình, công cụ hỗ trợ, cách thức quản lý, thực hiện xây dựng chiến lược kinh doanh bền vững đối với từng lĩnh vực, nhiệm vụ cụ thể đồng thời xây dựng bộ tiêu chí đánh giá cụ thể đối với KTTH, bao gồm các khung tiêu chí và các tiêu chí mềm giúp cho các ngành, doanh nghiệp sớm có kế hoạch và mục tiêu phát triển, đồng thời từng bước hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu về KTTH để phục vụ quản lý và điều hành việc thực hiện KTTH thống nhất trong cả nước.

(4) Quy định rõ trách nhiệm cụ thể của các cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp nhà sản xuất, nhà phân phối trong việc thu hồi, phân loại và tái chế hoặc chi trả chi phí xử lý các sản phẩm thải bỏ do doanh nghiệp tạo ra dựa trên số lượng sản phẩm bán ra trên thị trường; tăng cường nghiên cứu, chuyển giao công nghệ tái chế, quản lý dự án theo vòng đời sản phẩm. Hỗ trợ doanh nghiệp từng bước tiếp cận kinh tế số, phát triển các thị trường tái chế, thị trường nguyên vật liệu thứ cấp từ sản phẩm tái chế.

(5) Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển KTTH thuộc các lĩnh vực, địa bàn cụ thể thuộc thẩm quyền; tăng cường công tác truyền thông nâng

cao nhận thức, trách nhiệm của người dân, doanh nghiệp hiểu được các lợi ích về KTTH nhằm huy động, thay đổi tư duy sản xuất và tiêu dùng của cộng đồng doanh nghiệp và người dân theo hướng tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo, các sản phẩm có thể tái chế, tái sử dụng, phục hồi tài nguyên từ các sản phẩm đã qua sử dụng, kéo dài tuổi đời của sản phẩm đóng góp vào tiến trình chuyển đổi sang KTTH của đất nước. Tập trung tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của cán bộ các cấp, các ngành; người dân về định hướng chính sách, quy định pháp luật, các chiến lược, chính sách và đề án phát triển ở các cấp, các ngành... về KTTH; ý thức của người dân thay đổi tư duy về tiêu dùng theo hướng sử dụng các sản phẩm hàng hóa thân thiện với môi trường, về việc phân loại CTRSH tại nguồn,...

(6) Thúc đẩy hợp tác, liên kết với các thành phần kinh tế, các nhà tài trợ nước ngoài, các tổ chức quốc tế để tìm kiếm cơ hội tiếp cận tri thức, kỹ năng và nguồn lực phát triển kinh tế tuần hoàn thông qua các dự án thử nghiệm cụ thể về KTTH, các dự án về công nghệ, dịch vụ (công nghệ thông tin, môi trường...) thân thiện với KTTH; khuyến khích các sáng kiến, mô hình đã, đang và sẽ áp dụng các giải pháp thực hiện KTTH. Cùng với đó, để có thể thực hiện KTTH hiệu quả, KTTH cần được tiếp cận một cách có hệ thống với sự tham gia, phối hợp chặt chẽ của tất cả các bên.

3.2.2. Đối với các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp

Các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp có vai trò quan trọng trong việc phản biện chính sách thực hiện kế hoạch, thực hiện và giám sát thực hiện các mô hình KTTH. Việc phát huy tốt vai trò các tổ chức này, đặc biệt là các tổ chức xã hội - nghề nghiệp sẽ tạo thêm động lực và hoàn thiện các mô hình KTTH ở địa phương, bởi lẽ mô hình KTTH đa dạng, phong phú, thuộc nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau, do đó, sự tham gia của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp sẽ góp phần quan trọng đối với từng ngành, lĩnh vực.

Đối với các tổ chức khoa học và công nghệ (KH&CN) và các nhà khoa học, việc thực hiện mô hình KTTH đòi hỏi có sự đầu tư và đổi mới mô hình, dựa vào KH&CN là cốt lõi. Vì vậy, vai trò của các tổ chức KH&CN và nhà khoa học đồng hành thực hiện mô hình KTTH là hết sức quan trọng. Tùy thuộc vào từng loại mô hình KTTH triển khai trong thực tiễn, đòi hỏi phải có sự tham gia của các tổ chức KH&CN và các nhà khoa học khác nhau, phù hợp với từng loại hình mô hình khác nhau. Các tổ chức KH&CN và các nhà khoa học cũng là cầu nối chuyển giao công nghệ tiên tiến trên thế giới, công nghệ mới phù hợp với từng loại hình sản xuất để thực hiện mô hình KTTH trong quá trình thực hiện ở Việt Nam.

3.2.3. Đối với các doanh nghiệp

Doanh nghiệp cũng cần có lộ trình áp dụng các tiêu chí của mô hình kinh tế tuần hoàn vào trong quá trình sản xuất. Cùng với đó, nâng cao nhận thức của cộng đồng xã hội về mô hình kinh tế tuần hoàn từ đó hình thành thói quen trong tiêu dùng xanh, thay đổi hành vi mua sắm hướng đến việc bảo vệ môi trường sẽ góp phần thực hiện quá trình chuyển đổi xanh nhanh và hiệu quả, hướng đến kinh tế bền vững.

Về phía các doanh nghiệp sản xuất, cần có hành động và chiến lược thực hiện kinh tế tuần hoàn. Để đổi mới sáng tạo và phát triển sản phẩm, các doanh nghiệp phải đầu tư, áp dụng và thực hiện các hoạt động ứng dụng công nghệ vào quá trình sản xuất, áp dụng công nghệ sạch, thân thiện với môi trường và loại bỏ những công nghệ cũ lạc hậu gây ô nhiễm môi trường, nhất là các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực tiêu dùng như dệt may, da thuộc, giấy, chất tẩy rửa...

KTTH bước đầu sẽ gặp khó khăn trong bối cảnh nước ta còn thiếu các cơ chế chính sách thúc đẩy và nguồn lực, công nghệ tái chế, tái sử dụng còn hạn chế. Do vậy, cần tập trung các giải pháp cụ thể sau: Xây dựng cơ chế khuyến khích việc chuyển đổi sang mô hình kinh tế tuần hoàn; Thúc đẩy và tham gia hợp tác quốc tế hiệu quả trong các hiệp định và cam kết quốc tế về chống biến đổi khí hậu và phát triển xanh; Tập trung xây dựng các mô hình kinh tế tuần hoàn ở một số ngành, lĩnh vực thành công để làm cơ sở phổ biến, nhân rộng; Hỗ trợ tiếp cận theo phương thức đầu tư hợp tác công - tư nhằm huy động tối đa nguồn lực các bên liên quan; Đầu tư nâng cao năng lực và vai trò của các tổ chức đại diện doanh nghiệp để tăng cường khả năng tập hợp, đối thoại, góp ý hoàn thiện thể chế, chính sách kinh tế, phổ biến chính sách pháp luật, tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp về kinh tế tuần hoàn, hỗ trợ doanh nghiệp hội nhập quốc tế...

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Chuyển dịch từ kinh tế tuyến tính sang KTTH đang là xu thế chung của toàn cầu và Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế đó. Đó là cách tốt nhất để giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và các ảnh hưởng tiêu cực tới cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm và suy thoái môi trường, hay nói một cách khác, không còn phải đánh đổi giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, thực hiện được đồng thời nhiều mục tiêu của PTBV.

KTTH là một mô hình kinh tế phục hồi và tái tạo dựa trên việc thiết kế và tối đa hóa hiệu quả tài nguyên. Quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước là những cơ sở, căn cứ quan trọng để các cấp, các ngành, các lĩnh vực, địa phương trên cả nước tập trung trí tuệ, nhân lực và tiềm lực để triển khai thực hiện thành công nền KTTH, phát triển bền vững đất nước. Phát triển các mô hình KTTH ở Việt Nam đòi hỏi phải hiểu rõ bản chất của mô hình này, phân định rõ mô hình kinh tế tuần hoàn với các mô hình đã có, lưu ý các mô hình gắn với các tiêu chí của mô hình KTTH là cơ sở để nâng cấp và phát triển lên thành mô hình KTTH trong các ngành và lĩnh vực. Để phát triển các mô hình KTTH cần nhận rõ những thách thức và cơ hội của quá trình hình thành và phát triển.

Phát triển kinh tế tuần hoàn không phải trong một thời gian ngắn là có thể làm được, đây là một quá trình lâu dài, cần sự cố gắng, nỗ lực, sự đồng lòng của toàn dân trong các lĩnh vực khác nhau, không chỉ riêng lĩnh vực môi trường. Mỗi người dân, mỗi cơ sở sản xuất, tổ chức và doanh nghiệp cần phải ý thức được tầm quan trọng của môi trường đối với cuộc sống của mình, thực hiện tốt việc phát triển kinh tế tuần hoàn. Kinh tế tuần hoàn có vai trò quan trọng để Việt Nam thực hiện tăng trưởng xanh, kinh tế xanh, qua đó đạt được các mục tiêu phát triển bền vững. Để mô hình kinh tế này diễn ra phổ biến, rộng rãi, đạt hiệu quả cao, Việt Nam cần hoàn thiện hành lang pháp lý vững chắc, toàn diện, rõ ràng kể cả việc ban hành luật KTTH và hệ thống chính sách hỗ trợ, khuyến khích hợp tác quốc tế cũng như tuyên truyền để nâng cao nhận thức về kinh tế tuần hoàn...

Từ đó vừa góp phần thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế quốc gia, vừa bảo vệ môi trường sống, tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên và giá trị kinh tế mà chúng ta tạo ra mới thực sự ý nghĩa. Để thực hiện được định hướng này, đòi hỏi phải có sự nỗ lực của mọi thành phần trong xã hội, đặc biệt, doanh nghiệp là động lực trung tâm, Nhà nước đóng vai trò kiến tạo, dẫn dắt và cộng đồng tham gia thực hiện để thay đổi cả về nhận thức và hành vi của toàn xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Châu An, 2021. Kinh tế tuần hoàn - hướng phát triển bền vững cho doanh nghiệp.
2. Bộ TN&MT, 2022. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
3. Chính phủ, 2022. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
4. Chính phủ, 2022. Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021. “Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc thứ XIII”, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2021.
6. Nguyễn Đình Đáp, 2021. Kinh tế tuần hoàn: Những vấn đề lý luận và thực tiễn. Tạp chí Ngân hàng, số ra ngày 26/10/2021.
7. Nguyễn Đình Đáp, 2023. Giải pháp hoàn thiện các chính sách, kế hoạch hành động quốc gia về kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam. Tạp chí Ngân hàng, số ra ngày 16/12/2023.
8. Lê Hải Đường, Đỗ Tiến Dũng (2022), “Kinh nghiệm xây dựng, hoàn thiện pháp luật về kinh tế tuần hoàn ở một số nước trên thế giới và đề xuất cho Việt Nam”, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 11 (459), trang 48 - 57.
9. Lê Thanh Hải, 2021. Định hướng phát triển kinh tế tuần hoàn trong hệ thống văn bản pháp luật Việt Nam. Tạp chí Môi trường số 12/2021.
10. Hoàng Quốc Lâm, Ngô Xuân Hoà, 2024. Chính sách, pháp luật và một số giải pháp phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam. Báo điện tử Luật sư Việt Nam, số ra ngày 26/03/2024.
11. Lại Văn Mạnh, Nguyễn Trọng Hạnh, Nguyễn Thị Thanh Huyền, 2021. Kiến nghị hoàn thiện chính sách, pháp luật để phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam: Nhìn nhận từ những biểu hiện rào cản trên thực tiễn. Kỷ yếu hội thảo “Thúc đẩy đổi mới sáng tạo hướng đến hiện thực hóa kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam”, Nxb Lao động, 2021, tr. 138.
12. Quốc hội, 2020. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.
13. Thủ tướng Chính phủ, 2021. Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050.

14. Thủ tướng Chính phủ, 2020. Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 24/6/2020 của TTCP Phê duyệt Chương trình hành động QG về sản xuất và tiêu dùng bền vững (SCP) giai đoạn 2021 – 2030 (Goal 12 & thúc đẩy kinh tế tuần hoàn).
15. Bùi Quang Trung, Phạm Hữu Năm, 2020. Một số giải pháp thúc đẩy phát triển nền kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam. Tạp chí Tài chính Kỳ 2 – Tháng 6/2020.
16. Viện Chiến lược Chính sách Tài nguyên và Môi trường, UNDP Việt Nam, 2020. Hội thảo tham vấn “Kết quả nghiên cứu về kinh tế tuần hoàn và một số đề xuất chính sách”.